

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục
Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 14 ngày 30 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của Đoàn đánh giá ngoài đối với Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam theo đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam sau thẩm định là: Các lĩnh vực đảm bảo chất lượng về chiến lược, đảm bảo chất lượng về hệ thống, đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng và kết quả hoạt động đều đạt từ mức 3,5 điểm trở lên và không tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,0 điểm (chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục (chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Học viện TTNVN;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
HỌC VIỆN THÀNH THIẾU NIÊN VIỆT NAM**

(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐKĐCLGD ngày 30 tháng 7 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Phụ lục I

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Lĩnh vực 1: Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,87	Lĩnh vực 3: Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,64
Tiêu chuẩn 1	3,80	Tiêu chuẩn 13	3,60
Tiêu chuẩn 2	4,00	Tiêu chuẩn 14	3,60
Tiêu chuẩn 3	3,75	Tiêu chuẩn 15	3,60
Tiêu chuẩn 4	3,75	Tiêu chuẩn 16	3,25
Tiêu chuẩn 5	4,00	Tiêu chuẩn 17	3,75
Tiêu chuẩn 6	3,86	Tiêu chuẩn 18	4,00
Tiêu chuẩn 7	3,80	Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 8	4,00	Tiêu chuẩn 20	3,50
Lĩnh vực 2: Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,57	Tiêu chuẩn 21	3,75
Tiêu chuẩn 9	3,67	Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động	3,69
Tiêu chuẩn 10	3,50	Tiêu chuẩn 22	3,75
Tiêu chuẩn 11	3,50	Tiêu chuẩn 23	4,00
Tiêu chuẩn 12	3,60	Tiêu chuẩn 24	3,50
		Tiêu chuẩn 25	3,50



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 30 tháng 7 năm 2024)

của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Học viện có những điểm mạnh nổi bật cần tiếp tục phát huy, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực 1: Đảm bảo chất lượng về chiến lược

Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của Học viện đã được ban hành vào năm 2023, được quán triệt đến cán bộ, giảng viên và người học, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Nội dung của Sứ mạng, Tầm nhìn đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Học viện, phù hợp với Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ và định hướng phát triển của giáo dục đại học nước nhà. Giá trị cốt lõi được xác định từ truyền thống xây dựng và phát triển gần 70 năm của Học viện. Lãnh đạo Học viện thường xuyên chỉ đạo các đơn vị triển khai các hoạt động để thực hiện Sứ mạng, Tầm nhìn và gìn giữ, phát huy các giá trị cốt lõi của Học viện.

Học viện có hệ thống quản trị hoàn chỉnh theo quy định của Luật Giáo dục đại học với đầy đủ bộ máy tổ chức, nhân sự và hệ thống văn bản để tổ chức và quản lý các hoạt động của Học viện. Mỗi quan hệ giữa các bộ phận của hệ thống quản trị được xác lập tương đối rõ và có sự phối hợp chặt chẽ trong chỉ đạo điều hành hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Học viện. Các nghị quyết, quyết định của Đảng ủy, Hội đồng Học viện đã được chuyển tải thành các chương trình hành động và biện pháp, chính sách thực hiện với kết quả tương đối tốt. Cơ cấu tổ chức, nhân sự lãnh đạo và các văn bản quản lý của cơ quan quản trị được rà soát, đánh giá và điều chỉnh trong chu kỳ đánh giá để tăng hiệu quả hoạt động của Học viện.

Cơ cấu tổ chức lãnh đạo, quản lý rõ ràng gồm 17 đơn vị thuộc/trực thuộc, phù hợp với quy định hiện hành. Trong chu kỳ đánh giá, cơ cấu tổ chức đã được rà soát điều chỉnh, một số đơn vị được thành lập, sáp nhập, đổi tên để phù hợp với định hướng phát triển của Học viện. Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được quy định rõ ràng và có được rà soát, điều chỉnh. Hệ thống văn bản quản lý tương đối đầy đủ, được rà soát điều chỉnh, cập nhật bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Nhân sự tham gia lãnh đạo quản lý được quy hoạch, rà soát, đánh giá, bổ nhiệm theo năng lực nêu hiệu quả điều hành tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Học viện đã được nâng cao.

Năm 2023, Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển đến năm 2030, Tầm nhìn đến năm 2045. Chiến lược đã xác định tương đối rõ mục tiêu phát triển Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học đa ngành theo hướng ứng dụng có chất lượng

và uy tín, đứng đầu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học về công tác đoàn... Học viện đã xây dựng một số KPIs trên 08 lĩnh vực trọng yếu và 10 giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu chiến lược. Các chỉ tiêu phấn đấu chính tương đối rõ ràng và có thể đo lường mức độ đạt được. Chiến lược phát triển đã được quán triệt, công bố công khai và được các giảng viên, nhân viên, người học đồng lòng triển khai thực hiện.

Học viện có hệ thống tổ chức và bộ máy, có phân công nhiệm vụ cho các đơn vị/bộ phận trong xây dựng và ban hành các chính sách về các lĩnh vực; quy trình xây dựng chiến lược được quan tâm với sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; nội dung các chính sách và sự giám sát tuân thủ phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước và của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Học viện cũng đã có một số điều chỉnh và cải tiến về các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

Nguồn nhân lực được quy hoạch đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Chiến lược, kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực được xây dựng đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến thông qua việc Đảng ủy, Hội đồng Học viện đã kịp thời ban hành các nghị quyết, quy định, để đáp ứng với mục tiêu phát triển của Học viện. Cán bộ, giảng viên đi học nâng cao trình độ được hỗ trợ tài chính, thời gian và định mức lao động theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của Học viện để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành. Bộ phận chuyên trách tham mưu về quản lý tài chính và cơ sở vật chất được thành lập. Quy chế chi tiêu nội bộ được rà soát, ban hành hàng năm, đảm bảo việc chi tiêu tuân thủ theo đúng quy định, cập nhật văn bản pháp luật và thay đổi phù hợp với tình hình thực hiện. Quy trình, tiến độ lập kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm theo quy định của Trung ương Đoàn và Nhà nước. Hoạt động đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất được chú trọng, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được thiết lập. Chính sách, kế hoạch mở rộng mạng lưới và hợp tác quốc tế trong đào tạo đại học và sau đại học được thực hiện. Các đối tác trong nước và quốc tế có uy tín về lĩnh vực hợp tác đào tạo, trao đổi sinh viên, trao đổi học thuật trong các lĩnh vực nghiên cứu thanh niên, đoàn, đội, hội được phát triển. Hoạt động lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch hoạt động mở rộng mạng lưới, đối tác và quan hệ đối ngoại được giám sát, rà soát, phân tích, đánh giá, tổng kết và cải tiến.

2. Lĩnh vực 2: Đảm bảo chất lượng về hệ thống

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập có cơ cấu rõ ràng với sự tham gia của Lãnh đạo Học viện và cán bộ quản lý các phòng, ban và đơn vị đào tạo. Các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục thể hiện rõ sự tham gia

của các bên liên quan trong quá trình triển khai thực hiện. Chiến lược phát triển Học viện và Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện; được phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược đảm bảo chất lượng theo kế hoạch. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai. Các văn bản quản lý, cơ sở dữ liệu về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục được lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận.

Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện xác định rõ lộ trình, kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; phân công trách nhiệm cụ thể và phổ biến cho các bộ phận và các cá nhân liên quan thực hiện các bước cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với cơ sở giáo dục. Những phát hiện và kết quả của hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài được xác định cụ thể cho các lĩnh vực hoạt động làm cơ sở xây dựng, thực hiện và giám sát kế hoạch hành động/kế hoạch cải tiến chất lượng khả thi để khắc phục những điểm tồn tại phát hiện qua quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng và thực hiện. Hệ thống thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện được xây dựng trên nền tảng công nghệ thông tin, có cơ sở dữ liệu được lưu giữ có hệ thống, được bảo mật và đảm bảo an toàn, sẵn sàng cung cấp kịp thời cho các bên liên quan.

Kế hoạch nâng cao chất lượng của Học viện được xây dựng, có các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; có tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Quy định về so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục được xây dựng và ban hành, trong đó có các tiêu chí lựa chọn đối tác; các tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng; có hướng dẫn, quy trình cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động của Học viện.

3. Lĩnh vực 3: Đảm bảo chất lượng về chức năng

Chính sách, tiêu chí tuyển sinh của Học viện được thể hiện rõ ràng trong các đề án, các thông báo tuyển sinh hàng năm. Hoạt động đào tạo, trong đó có công tác tuyển sinh và nhập học được giám sát và đánh giá. Công tác tuyển sinh, nhập học được cải tiến, cập nhật đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả. Đề án tuyển sinh, được xây dựng và phê duyệt hàng năm, hình thức tuyển sinh thay đổi phù hợp với quy định tại quy chế tuyển sinh đại học, sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quá trình xây dựng, rà soát, thẩm định, phê duyệt chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định, đã tổ chức lấy ý kiến một số bên liên quan khi xây dựng, rà soát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo. Đề cương học phần, kế hoạch giảng dạy được giới thiệu, phổ biến cho người học. Hoạt động rà

soát đánh giá quy trình thiết kế, phát triển chương trình đào tạo được triển khai thực hiện và áp dụng trong chu kỳ đánh giá.

Triết lý giáo dục được công bố công khai, phù hợp với Sứ mạng của Học viện và tiếp cận với xu hướng mới. Chính sách thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ giảng viên được thực hiện. Môi trường học tập được tạo dựng và triển khai các hoạt động học tập đa dạng. Việc đánh giá giảng viên thực hiện theo quy trình, quy định. Các hoạt động dạy và học được điều chỉnh trong chu kỳ đánh giá.

Các quy chế, quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được vận dụng thực hiện với các học phần. Các khoa/bộ môn xây dựng các hình thức kiểm tra đánh giá khá đa dạng nhằm đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra. Mỗi học kỳ các khoa, bộ môn đều rà soát, cải tiến hình thức kiểm tra đánh giá. Trong chu kỳ đánh giá không có hiện tượng khiếu nại về kết quả học tập, hiện tượng phúc khảo bài thi ít.

Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và quy định của Học viện. Hệ thống giám sát người học được xây dựng với sự hỗ trợ phần mềm quản lý PMT-EMS. Hoạt động hỗ trợ người học các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn thực hiện. Đội ngũ cán bộ, nhân viên hỗ trợ có đủ năng lực triển khai các hoạt động tư vấn, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ học tập cho người học. Hoạt động giám sát tiến trình học tập và hiệu quả học tập của người học đã được triển khai theo quy định. Chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát được rà soát, đánh giá, có một số chỉ số được cải thiện.

Hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động khoa học công nghệ do trực tiếp Giám đốc chỉ đạo, điều hành. Quy định về công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ được xác lập và thực hiện. Quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện được quy định chi tiết, chặt chẽ. Hội đồng Học viện đã ban hành nghị quyết về việc thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ đến năm 2030 tạo cơ sở cho việc triển khai các hoạt động khoa học công nghệ có hiệu quả.

Quy định về công tác quản lý tài sản trí tuệ được xây dựng và ban hành. Công tác bảo hộ kết quả nghiên cứu khoa học được thực hiện thông qua hoạt động công nhận kết quả nghiên cứu khoa học cho mỗi đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện đã được nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận tham gia nghiên cứu khoa học cho sinh viên; có chính sách khuyến khích và hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ.

Học viện là đơn vị trực thuộc của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nên có điều kiện thuận lợi để phát triển các mối quan hệ hợp tác và đối tác là các tổ chức Đoàn, các viện nghiên cứu chính sách thanh niên trong nước và quốc tế..., thiết lập được mối quan hệ hợp tác tốt với các tỉnh Đoàn và Ban cán sự Đoàn của các Bộ/Ban ngành Trung ương.

Các chính sách, kế hoạch kết nối và phục vụ cộng đồng đã được thể hiện trong Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030

và tầm nhìn đến năm 2045, Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện và các chương trình công tác hàng năm. Mục tiêu kết nối và phục vụ cộng đồng được xác định rõ ràng trong Chiến lược phát triển Học viện, được triển khai thực hiện theo quy chế kết nối và phục vụ cộng đồng năm 2023. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được triển khai mạnh mẽ thông qua hoạt động của Đoàn Thanh niên, Công đoàn Học viện và các khoa, viện.

4. Lĩnh vực 4: Kết quả hoạt động

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học thuộc tất cả các chương trình đào tạo được xác định, giám sát và đối sánh hàng năm. Tỷ lệ người học sau tốt nghiệp có việc làm ở tất cả các chương trình đào tạo được xác định; được theo dõi, giám sát, đánh giá để có giải pháp hỗ trợ, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp cho người học. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp với sự tham gia của nhiều đơn vị/cá nhân liên quan trong Học viện. Kết quả khảo sát nhà sử dụng lao động năm 2023 cho thấy chất lượng sinh viên tốt nghiệp được đánh giá tương đối cao.

Loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên và quy trình quản lý được quy định chặt chẽ. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên đạt nhiều kết quả tốt. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học. Tạp chí Thanh niên được Hội đồng Giáo sư Nhà nước nâng từ 0,25 điểm lên 0,5 điểm. Kết quả nghiên cứu khoa học của Học viện đã đóng góp tích cực cho Trung ương Đoàn xây dựng lý luận, ban hành chủ trương, chính sách, tổ chức thực hiện công tác đoàn và phong trào thanh thiếu niên.

Các loại hình phục vụ cộng đồng được quy định cụ thể được thể hiện trong các kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học, kế hoạch, chương trình công tác đã được phê duyệt. Đoàn Thanh niên Học viện là tổ chức đi đầu trong các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, tập trung vào 02 trong 05 loại hình phục vụ cộng đồng đã được quy định. Kế hoạch của Đoàn Thanh niên được xác lập và phê duyệt của Đảng ủy hàng năm với quy mô năm sau nhiều hơn năm trước, huy động sự tham gia của đoàn viên là người học và nhân viên Học viện. Kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được xác lập, cải tiến.

Chỉ số tài chính được thể hiện trong Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Học viện đạt được kết quả ấn tượng về tổng doanh thu, bao gồm cả từ ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu tự chủ. Nguồn thu tự chủ tăng khoảng 2,5 lần trong 05 năm qua. Học viện đạt kết quả tích cực trong những năm gần đây đối với các chỉ số của hoạt động đào tạo, thể hiện qua các chỉ số về quy mô tuyển sinh: Số thí sinh dự tuyển, số trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, điểm tuyển đầu vào; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi ra trường 01 năm ra trường đều cải thiện, nhất là trong năm 2023.

II. KIẾN NGHỊ

Để khắc phục những tồn tại trong các lĩnh vực hoạt động của cơ sở giáo dục, Hội đồng kiến nghị Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cần cải tiến chất lượng các lĩnh vực hoạt động theo các nhóm giải pháp sau đây:

1. Sớm ban hành quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ và của Trung ương Đoàn. Trong thời gian tới, khi rà soát điều chỉnh Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi nên điều chỉnh cách biểu đạt Sứ mạng theo hướng mở rộng phạm vi đào tạo và nghiên cứu khoa học không chỉ phục vụ cho công tác đoàn và phong trào thanh thiếu niên, nhấn mạnh hơn tính đa ngành và đổi mới sáng tạo của cơ sở giáo dục đại học.

2. Quan tâm hơn đến công tác quản trị rủi ro để đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững của Học viện; quy định rõ ràng và đầy đủ hơn thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý cấp Học viện và cấp trưởng phó các đơn vị thuộc/trực thuộc...; mô tả đầy đủ mối quan hệ công tác giữa Giám đốc Học viện với các bộ phận của cơ quan quản trị và giữa các bộ phận của cơ quan quản trị với nhau trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện xây dựng khung logic để chuyển tải các nghị quyết/quyết định của Đảng ủy, Hội đồng Học viện thành các chính sách, kế hoạch hành động cụ thể với các chỉ tiêu, kết quả định lượng rõ ràng; chủ động hơn trong hoạt động xây dựng các văn bản quản trị theo quy định của Luật Giáo dục đại học để ban hành hoặc điều chỉnh kịp thời các văn bản quản trị, thường xuyên nâng cao năng lực quản trị đại học cho tất cả các thành viên trong Hội đồng Học viện.

3. Rà soát cơ cấu tổ chức, rà soát các văn bản quản lý để điều chỉnh kịp thời và nâng cao hiệu quả điều hành triển khai thực hiện Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện. Làm tốt hơn công tác quy hoạch và sử dụng kết quả quy hoạch chức danh lãnh đạo quản lý trong công tác bổ nhiệm khi có nhu cầu; tiếp tục rà soát quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị để đảm bảo tính hợp lý, mỗi việc có một đơn vị đầu mối và không có sự chồng chéo chức năng nhiệm vụ hoặc có những công việc chưa có đơn vị chịu trách nhiệm chính.

4. Ban hành hướng dẫn/quy trình xây dựng chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn với các mẫu biểu cụ thể và các bước triển khai rõ ràng, có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân thực hiện; xây dựng kế hoạch chiến lược thành phần để thực hiện chiến lược phát triển dài hạn đến năm 2030. Trong thời gian tới, cần rà soát, điều chỉnh một số chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2030 để phù hợp với Tầm nhìn và phù hợp hơn với xu thế phát triển của đại học Việt Nam. Căn cứ vào kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển dài hạn, Học viện cần xây dựng các chỉ tiêu cho năm học và báo cáo tổng kết năm học cần có phân tích đánh giá mức độ đạt được các chỉ tiêu đã đề ra.

5. Hướng dẫn, tập huấn quy trình giám sát, hướng dẫn giám sát về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cho một đơn vị chức năng làm đầu mối; đánh giá tác động của chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đến hiệu quả kinh tế - xã hội để có các điều chỉnh phù hợp mục tiêu phát triển của Học viện, đặc biệt là ý kiến của các nhà quản lý, doanh nghiệp, nhà

đầu tư.

6. Rà soát quy hoạch nguồn nhân lực, quan tâm hơn đến các giải pháp thực thi quy hoạch, chính sách và kinh phí đảm bảo khả thi cho phát triển nguồn nhân lực trong thời gian ngắn hạn và trung hạn; rà soát hệ thống tiêu chí tuyển dụng, chính sách hợp lý cho từng đối tượng theo các nhóm chuyên môn để dễ thu hút đội ngũ, đáp ứng yêu cầu cần thiết theo định hướng chiến lược của Học viện; rà soát và điều chỉnh các tiêu chuẩn năng lực của cán bộ, giảng viên, nhân viên; thiết lập cơ sở dữ liệu cho đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; đầu tư cho các giảng viên hoàn thành việc đào tạo tiến sĩ và tăng tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học đáp ứng với mục tiêu chiến lược; rà soát, ban hành các chính sách cũng như cải tiến hệ thống đánh giá hiệu quả công việc, bình xét thi đua khen thưởng để khuyến khích giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và biên soạn giáo trình dạy học; tập trung đánh giá, phân tích sâu và bám sát vào các mục tiêu, chỉ số trong chiến lược phát triển của Học viện. Xây dựng các chính sách đặc thù để thu hút, phát triển đội ngũ giảng viên có học hàm, học vị cao như đã đặt ra trong chiến lược phát triển Học viện.

7. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống chỉ số thực hiện chính cho Chiến lược, trong đó có những chỉ số phát triển nguồn lực tài chính rõ ràng cho từng lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng cán bộ, dịch vụ...; xây dựng kế hoạch tài chính năm, tổng dự toán năm phù hợp với Chiến lược phát triển và phân tích cơ cấu nguồn lực tài chính, cơ cấu thu chi trong năm; triển khai đánh giá định kỳ hiệu quả đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, nguồn lực học tập; thiết lập các chỉ số chung và các chỉ số cụ thể cấp Học viện, cấp đơn vị để đo lường, tổ chức giám sát và xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ về cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, nguồn lực học tập chung toàn Học viện. Quá trình xác lập các chỉ số phải đảm bảo tuân thủ các quy định, chỉ tiêu được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các lĩnh vực: Tài chính, cơ sở vật chất, thư viện, ứng dụng công nghệ thông tin. Đầu tư cho công nghệ thông tin và đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số phục vụ cho quản lý toàn bộ lĩnh vực hoạt động và tổ chức đào tạo trực tuyến; đầu tư cơ sở dữ liệu khoa học, học liệu điện tử, bổ sung học liệu cho Trung tâm Thông tin - Thư viện.

8. Làm rõ kế hoạch, giải pháp đạt được mục tiêu đề ra trong chiến lược hợp tác quốc tế; ban hành chính sách thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên về quan hệ đối ngoại; đánh giá, phát triển nguồn lực, xây dựng tiêu chí lựa chọn từng nhóm đối tác tương ứng với Sứ mệnh, Mục tiêu của Học viện; xây dựng chiến lược và giải pháp tăng cường thu hút sinh viên, giảng viên quốc tế đến trao đổi đào tạo và nghiên cứu khoa học tại Học viện; rà soát, đánh giá các chương trình hợp tác đã được ký kết và thực hiện để cải tiến theo hướng mở rộng số lượng, phạm vi các mạng lưới và các quan hệ đối ngoại; xây dựng cơ sở dữ liệu để đối sánh, cải tiến hệ thống chuyển đổi số gồm các biểu mẫu quản lý cho các hoạt động đối ngoại là cần thiết để thuận lợi cho truy cập, rà soát, đánh giá và cải tiến cả số lượng và chất lượng các mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Học viện.

9. Triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong; rà soát các mục tiêu của Chiến lược đảm bảo chất lượng; xác định cụ thể, rõ ràng các chỉ số, chỉ tiêu phản ánh chính làm cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược về đảm bảo chất lượng của Học viện; xây dựng kế hoạch phổ biến, triển khai kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng giáo dục; rà soát quy định về việc lưu trữ văn bản về các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng; giao cho Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục là đơn vị đầu mối trong việc lưu trữ tài liệu hướng dẫn, phổ biến cho cán bộ, giảng viên và người học về các chính sách, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng giáo dục; rà soát, hoàn thiện và sử dụng bộ chỉ số KPIs để đo lường và đánh giá kết quả công tác đảm bảo chất lượng; rà soát quy trình lập kế hoạch, xác định, điều chỉnh các chỉ số thực hiện và các chỉ tiêu phản ánh chính của các Chiến lược phát triển Học viện và Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục chưa được rà soát, đánh giá và cải tiến.

10. Triển khai thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng đã được quy định cụ thể trong Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục; chuẩn bị các nguồn lực, lập kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài các chương trình đào tạo của Học viện; xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và chính sách tuyển dụng cán bộ cơ hữu có thể kiểm định viên đáp ứng yêu cầu tự đánh giá cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo; lập kế hoạch và triển khai các hoạt động phát huy, duy trì những điểm mạnh cốt lõi; khắc phục những điểm tồn tại cơ bản đã được Hội đồng tự đánh giá phát hiện nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Học viện; rà soát quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị đánh giá ngoài, chú ý đến hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm cải tiến quy trình tự đánh giá phù hợp với việc số hóa và sử dụng phần mềm hỗ trợ.

11. Rà soát nội dung các hoạt động trong kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, bổ sung thời gian thực hiện; sử dụng phần mềm chuyên dụng hỗ trợ hoạt động khảo sát, xử lý, hỗ trợ tổng hợp báo cáo kết quả lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; định kỳ hàng năm rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện; lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan về hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, về số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin; rà soát, đánh giá và cải tiến chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý đảm bảo chất lượng bên trong; phân tích, đánh giá nguyên nhân những tồn tại và đề xuất giải pháp sử dụng hiệu quả trong việc hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

12. Bổ sung nguồn lực tài chính vào kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm, đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả; tổ chức các hội nghị, hội thảo phổ biến, hướng dẫn sử dụng các quy định so chuẩn và đối sánh chất lượng; phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả so chuẩn và đối sánh vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; thực hiện so chuẩn, đối sánh các hoạt động theo các quy định; đánh giá đầy đủ và cải tiến các quy định về lựa chọn sử dụng so chuẩn và đối sánh chất lượng của Học viện; phân tích, đánh giá,

cải tiến các tiêu chí, nội dung, quy trình so chuẩn, đổi sánh.

13. Ban hành Đề án tuyển sinh cho các trình độ đào tạo theo quy định; thể hiện đầy đủ, cụ thể rõ ràng các thông tin trong thông báo tuyển sinh, đặc biệt các đối tượng dự tuyển, đào tạo thạc sĩ hướng nghiên cứu hay ứng dụng theo quy định; khảo sát, phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm làm cơ sở xây dựng đề án/kế hoạch tuyển sinh, xác định chỉ tiêu cũng như chính sách phù hợp; ban hành quy trình/quy định và thực hiện việc giám sát công tác tuyển sinh và nhập học; phân tích, đánh giá kết quả giám sát hoạt động tuyển sinh và nhập học hàng năm; thực hiện đổi sánh và phân tích hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các rủi ro trong hoạt động tuyển sinh và nhập học.

14. Ban hành quy định, hướng dẫn phân công trách nhiệm cho đơn vị/cá nhân trong quá trình xây dựng, rà soát thẩm định, phê duyệt đề cương học phần; sớm hoàn thiện chương trình đào tạo năm 2023 đưa vào thực hiện; xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan cụ thể rõ ràng; thống nhất nội dung giữa bản mô tả chương trình đào tạo với nội dung tóm tắt chương trình đào tạo trong quyết định ban hành chương trình đào tạo; ban hành mẫu đề cương học phần thống nhất, đầy đủ nội dung và ban hành quyết định công bố đề cương học phần sau mỗi lần xây dựng/rà soát điều chỉnh; rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chương trình đào tạo và tổ chức rà soát tất cả các chương trình đào tạo theo quy định.

15. Hướng dẫn việc triển khai thực hiện Triết lý giáo dục vào các hoạt động của Học viện nói chung và hoạt động đào tạo nói riêng; ban hành quy định, hướng dẫn lựa chọn hoạt động dạy và học phù hợp với chuẩn đầu ra cho tất cả các học phần của các chương trình đào tạo; triển khai các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp hơn nữa để đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại trong giảng dạy; bồi dưỡng giảng viên trẻ, thực hiện dự giảng để cải tiến chất lượng dạy học; triển khai lấy ý kiến người học đánh giá học phần làm cơ sở để cải tiến chương trình đào tạo.

16. Sớm hoàn thiện và thực hiện chương trình đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra; xây dựng và ban hành hướng dẫn lựa chọn các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; thực hiện phân tích kết quả kiểm tra đánh giá, đánh giá độ tin cậy, giá trị các phương pháp kiểm tra đánh giá; đa dạng hơn nữa các hình thức kiểm tra đánh giá để đảm bảo đo lường được các chuẩn đầu ra của học phần cũng như của chương trình đào tạo; thực hiện lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên đánh giá về hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá của tất cả các chương trình đào tạo làm cơ sở để cải tiến.

17. Xây dựng kế hoạch khảo sát đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ người học, bổ sung đầy đủ nội dung; nâng cấp phần mềm quản lý người học để kết nối giữa các phòng/khoa giúp cho hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được nhanh chóng và hiệu quả; khảo sát đánh giá hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học đa dạng các bên liên quan; cụ thể hóa và chi tiết hơn kết quả rà soát, đánh giá các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học để có kế hoạch cải tiến chất lượng và hiệu quả hơn; khảo sát đánh giá các bên liên quan hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và hệ thống giám sát người học; khảo

sát sự thăng tiến/chuyển đổi vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp đối sau đại học.

18. Phân công trách nhiệm quản lý hoạt động khoa học công nghệ rõ ràng, chi tiết, ổn định tới từng đơn vị có liên quan; phân bổ kinh phí chi tiết cho từng hoạt động khoa học công nghệ giúp cho việc lập kế hoạch và thực hiện dự toán thu - chi hàng năm; thành lập các nhóm nghiên cứu tại các khoa chuyên môn nhằm thu hút cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa; tổ chức Hội nghị đánh giá, điều chỉnh các KPIs, bổ sung các KPIs đánh giá về chất lượng đề tài nghiên cứu khoa học. Các báo cáo kết quả rà soát, đánh giá hoạt động khoa học công nghệ cần có phân tích điểm mạnh, điểm yếu, đề xuất các giải pháp khắc phục làm căn cứ xây dựng Kế hoạch cải tiến công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ; bổ sung đầy đủ nội dung cho kế hoạch cải tiến công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ; rà soát, điều chỉnh mức hỗ trợ kinh phí cho đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện và nghiên cứu khoa học của sinh viên phù hợp hơn.

19. Xây dựng Quy định về trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể quản lý các hoạt động sở hữu trí tuệ cho các đơn vị; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, giảng viên và sinh viên đăng ký sở hữu trí tuệ; nâng cấp cơ sở dữ liệu về việc đăng ký sở hữu trí tuệ, công tác kiểm tra, rà soát hoạt động quản lý tài sản trí tuệ, thu nhận thông tin phản hồi về các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý tài sản trí tuệ; tổ chức hội nghị/hội thảo đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ của Học viện với sự tham gia của các bên liên quan; xây dựng kế hoạch cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ; bổ sung các tiêu chí khảo sát về công tác quản lý tài sản trí tuệ, phản ánh đầy đủ thực trạng công tác quản lý tài sản trí tuệ của Học viện làm cơ sở cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ được hiệu quả và nâng cao chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ.

20. Bổ sung nội dung các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học vào kế hoạch công tác hàng năm; bổ sung KPIs cho các kế hoạch tăng cường hoạt động hợp tác với các đối tác nghiên cứu khoa học; xây dựng quy định về thiết lập quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học để các đơn vị chủ động thực hiện; tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả giữa chu kỳ làm căn cứ để điều chỉnh, bổ sung, nâng cao hiệu quả của các hợp tác nghiên cứu khoa học; phân tích, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và từng đối tác cụ thể làm căn cứ để lựa chọn đối tác phù hợp và đề xuất các giải pháp phát triển các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học; tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết về quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học và xây dựng kế hoạch cải thiện các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học có đầy đủ nội dung nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng của công tác này; phát triển quan hệ hợp tác và đối tác với các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội để triển khai các hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm gia tăng các nguồn lực cho Học viện.

21. Bổ sung kế hoạch thực hiện Chiến lược các nội dung về kết nối và phục vụ cộng đồng, tính kết nối giữa Chiến lược với kế hoạch hàng năm; nhất quán

giữa mục tiêu Chiến lược và quy định về các loại hình kết nối và phục vụ cộng đồng; sửa đổi quy chế báo cáo định kỳ, đột xuất, trách nhiệm tham mưu kế hoạch, tổng hợp báo cáo chung của đầu mối; xây dựng quy định, biểu mẫu khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, cơ chế khai thác và phân bổ nguồn lực về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng; phát triển, vận hành hệ thống chỉ số đo lường để giám sát, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho toàn Học viện; bổ sung quy định về cấu trúc báo cáo tổng kết chuyên môn hàng năm nội dung phục vụ cộng đồng; tổ chức khảo sát định kỳ về sự hài lòng của các bên liên quan triển khai công việc theo chu trình PDCA, trong đó chú trọng đến hoạt động tổng kết, kế hoạch cải tiến và cải thiện công tác lưu trữ.

22. Thực hiện đổi sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ thôi học các chương trình đào tạo của Học viện với các chương trình đào tạo cùng ngành của một số cơ sở đào tạo trong nước và với quốc tế; có các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp, kịp thời giảm tỷ lệ thôi học, giảm số lượng tốt nghiệp quá hạn, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình khảo sát tỷ lệ thăng tiến/chuyển đổi việc làm của người học trình độ thạc sĩ; khảo sát hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp định kỳ hàng năm và đổi sánh chất lượng người học các trình độ đào tạo và khóa trước với khóa sau của tất cả các chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch/ban hành cải tiến chất lượng chương trình đào tạo dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan.

23. Nâng cấp, số hóa cơ sở dữ liệu giúp công tác quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan của Học viện có hiệu quả hơn; bổ sung các tiêu chí vào kế hoạch đổi sánh các loại hình và kết quả nghiên cứu khoa học, báo cáo kết quả đổi sánh cần có phân tích điểm mạnh, điểm yếu để có giải pháp cải thiện chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học; xây dựng kế hoạch và triển khai việc đổi sánh loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ và rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ hàng năm; thể hiện rõ, đầy đủ việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học trong dự toán thu - chi ngân sách hàng năm; tăng cường năng lực hệ thống giám sát và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học. Hàng năm, thực hiện đổi sánh việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu khoa học để điều chỉnh kịp thời.

24. Rà soát, bổ sung các loại hình kết nối và phục vụ cộng đồng trong Chiến lược phát triển Học viện và các quy chế về kết nối và phục vụ cộng đồng, phân định rõ phạm vi nội dung giữa phục vụ cộng đồng với các hoạt động chuyên môn khác; phân bổ rõ ràng trách nhiệm, KPI trong việc thực hiện các loại hình, khối lượng kết nối và phục vụ cộng đồng cho các tổ chức, đơn vị; xác lập rõ trách nhiệm, quy định khối lượng cụ thể hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho các đối tượng; xây dựng chỉ số/biểu mẫu, hình thành cơ sở dữ liệu quản lý kết quả và các tác động xã hội, tác động đến người học, giảng viên và nhân viên khi tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng; hình thành cơ chế giám sát, đổi sánh và cải tiến hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để đạt được các tác động, kết quả cao hơn.

25. Ban hành các chỉ số tài chính rõ ràng cho toàn bộ Học viện và từng lĩnh vực; ban hành kế hoạch tài chính, xây dựng cơ chế, triển khai giám sát thực hiện các chỉ số tài chính; xây dựng lộ trình tăng nhanh tỷ lệ tự chủ chi thường xuyên. Có kế hoạch phân bổ lộ trình tự chủ tài chính cho các đơn vị trực thuộc; tăng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động dịch vụ khác; ban hành bộ chỉ số thị trường giáo dục về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số thị trường giáo dục hàng năm; thực hiện phân tích đối sánh về chỉ tiêu, kết quả tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng giữa Học viện với các trường khác; tăng cường các hoạt động nâng cao uy tín, thương hiệu của Học viện trong xã hội.

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 25 nhóm giải pháp. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Học viện cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.